

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi:
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ
Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 06
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	07 – 08
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	09 – 12
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	14 – 15
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	16 – 104

0507
CÔ
T
DỊCH V
TÀI CHÍNH
VÀ KI
PH
1-1

CÔ
D
SDN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 32 ngày 13 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210);
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành 8020);
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành 8110);
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành 8129);
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành 8219);
- Bán buôn tổng hợp (Mã ngành 4690);
- Lập trình máy vi tính (Mã ngành 6201);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành 5221);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Mã ngành 5225);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Mã ngành 7320);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành 7810);
- Cung ứng lao động tạm thời (Mã ngành 7820);
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành 7990);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành 8230);
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành 9000);
- Dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành 1812);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành 2013);

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2399);
- Sửa chữa thiết bị khác (Mã ngành 3319);
- Thu gom rác thải độc hại (Mã ngành 3812);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Mã ngành 4652);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành 4661);
- Hoạt động tư vấn quản lý (Mã ngành 7020);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành 4773);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Mã ngành 2392);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4520);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 7490);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Mã ngành 4512);
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành 1622);
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (Mã ngành 1920);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4530);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Mã ngành 4620);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Mã ngành 7830);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành 4752);
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Mã ngành 3311);
- Thu gom rác thải không độc hại (Mã ngành 3811);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Mã ngành 3900);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (Mã ngành 4542);
- Cho thuê xe có động cơ (Mã ngành 7710);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành 7730);
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (Mã ngành 8211);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8299);
- In ấn (Mã ngành 1811);
- Hoạt động viễn thông khác (Mã ngành 6190);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành 6209);
- Bốc xếp hàng hóa (Mã ngành 5224);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Mã ngành 2395);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành 2592);
- Sản xuất điện (Mã ngành 3511);
- Xây dựng công trình khai khoáng (Mã ngành 4292);
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo (Mã ngành 4293);
- Quảng cáo (Mã ngành 7310);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Mã ngành 6202);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành 6311);
- Cổng thông tin (Mã ngành 6312);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (Mã ngành 2511).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Hồ Minh Hoàng
Võ Thụy Linh
Phan Văn Thắng
Nguyễn Tấn Đông
Phùng Tiến Thành
Nguyễn Quốc Ánh
Nguyễn Hữu Hùng
Lê Quỳnh Mai
Nguyễn Minh Giang

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
(từ ngày 26/06/2024 đến ngày 03/07/2024)
Phó Chủ tịch
(từ ngày 04/07/2024)
Thành viên độc lập

Ngô Văn Quý

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ngô Trường Nam
Nguyễn Quang Vĩnh

Khương Văn Cương
Nguyễn Quang Huy

Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
(đến ngày 06/12/2024)
Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
(từ ngày 14/10/2024)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 14/10/2024)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 02/05/2024)

Cao Ngọc Nam
Phạm Duy Hiếu
Nguyễn Quang Dũng
Phạm Lê Huy
Dương Châu Sâm
Lê Thanh Tuấn
Phạm Văn Hùng
Dương Hoài Thanh

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Tôn Quang Hùng
Phạm Văn Hùng

Hồ Thị Hường
Phạm Ngọc Quý

Trưởng ban
Thành viên
(đến ngày 26/06/2024)
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 26/06/2024)

Đại diện theo pháp luật:

Hồ Minh Hoàng
Ngô Trường Nam
Nguyễn Quang Vĩnh

Khương Văn Cương
Nguyễn Quang Huy

Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
(đến ngày 23/12/2024)
Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
(từ ngày 29/10/2024)

Kế toán trưởng: An Văn Thiện

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**



Khương Văn Cường

Số : ~~397~~ /BCKT/TC/2025/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 09 đến trang 104, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám Đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số
0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Đặng Tùng Hưng

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số
3611-2021-142-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.200.011.437.871	6.391.259.597.896
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	1.979.427.429.201	1.513.406.306.325
111	Tiền		615.466.716.493	512.403.317.564
112	Các khoản tương đương tiền		1.363.960.712.708	1.001.002.988.761
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		329.620.918.629	488.655.245.726
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02a	329.620.918.629	488.655.245.726
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		6.159.839.459.935	3.763.356.647.750
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.996.646.367.396	1.547.548.881.468
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	1.485.803.328.966	1.003.372.199.468
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05a	345.440.116.554	500.794.213.923
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.06a	2.331.949.647.019	711.641.352.891
140	Hàng tồn kho	V.07	617.932.821.974	544.595.261.916
141	Hàng tồn kho		617.932.821.974	544.595.261.916
150	Tài sản ngắn hạn khác		113.190.808.132	81.246.136.179
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.08a	14.827.864.814	10.063.167.357
152	Thuế GTGT được khấu trừ		20.477.926.061	32.310.408.541
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	77.885.017.257	38.872.560.281

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.396.393.159.103	3.956.729.555.286
210	Các khoản phải thu dài hạn		18.523.171.012	325.219.073.660
215	Phải thu về cho vay dài hạn	V.05b	3.422.323.813	305.885.485.018
216	Phải thu dài hạn khác	V.06b	15.100.847.199	19.333.588.642
220	Tài sản cố định		638.274.125.547	704.201.742.646
221	Tài sản cố định hữu hình	V.09	535.967.360.731	594.014.231.870
222	Nguyên giá		804.191.991.363	753.949.884.531
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(268.224.630.632)	(159.935.652.661)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	98.906.894.055	107.685.907.950
225	Nguyên giá		139.237.989.268	127.339.268.629
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(40.331.095.213)	(19.653.360.679)
227	Tài sản cố định vô hình	V.11	3.399.870.761	2.501.602.826
228	Nguyên giá		6.010.900.000	4.181.700.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.611.029.239)	(1.680.097.174)
230	Bất động sản đầu tư	V.12	164.907.494.952	168.919.895.112
231	Nguyên giá		196.763.594.014	196.763.594.014
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(31.856.099.062)	(27.843.698.902)
240	Tài sản dở dang dài hạn		28.995.153.936	25.764.299.297
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	28.995.153.936	25.764.299.297
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.492.396.002.291	2.699.116.032.291
251	Đầu tư vào công ty con	V.02b	1.309.775.542.291	1.948.832.572.291
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.02c	-	578.500.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.02d	180.620.460.000	159.783.460.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02a	2.000.000.000	12.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		53.297.211.365	33.508.512.280
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.08b	53.297.211.365	33.508.512.280
270	TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)		11.596.404.596.974	10.347.989.153.182

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		6.807.443.418.457	5.811.470.916.138
310	Nợ ngắn hạn		2.529.744.074.097	2.083.057.097.789
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.14a	1.215.005.562.358	867.385.605.965
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15a	7.607.066.226	3.683.035.714
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.16	45.930.261.131	42.134.438.440
314	Phải trả người lao động		34.414.493.338	38.647.606.489
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	85.171.082.706	45.542.527.967
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19a	1.379.172.849	2.224.080.258
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	246.412.625.481	257.018.759.970
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	890.094.997.391	826.358.114.738
322	Quý khen thưởng, phúc lợi		3.728.812.617	62.928.248
330	Nợ dài hạn		4.277.699.344.360	3.728.413.818.349
331	Phải trả người bán dài hạn	V.14b	389.559.757.466	-
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15b	3.668.065.670.367	3.441.051.728.159
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19b	-	1.379.172.849
337	Phải trả dài hạn khác	V.18b	75.574.141.103	30.446.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	144.499.775.424	255.536.917.341

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.21	4.788.961.178.517	4.536.518.237.044
410	Vốn chủ sở hữu		4.788.961.178.517	4.536.518.237.044
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
418	Quỹ đầu tư phát triển		14.349.316.091	12.706.265.055
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.210.358.842	4.210.358.842
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		563.884.353.584	313.084.463.147
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		309.798.361.075	148.779.359.517
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		254.085.992.509	164.305.103.630
440	TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		11.596.404.596.974	10.347.989.153.182

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thiện Chí

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.323.354.747.550	4.105.518.362.780
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	6.323.354.747.550	4.105.518.362.780
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	5.955.621.886.964	3.920.072.198.566
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	367.732.860.586	185.446.164.214
21	Doanh thu hoạt động tài chính	196.548.870.772	237.330.037.922
22	Chi phí tài chính	48.863.493.882	100.591.753.634
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	46.847.675.749	67.727.618.939
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	213.450.039.008	175.912.744.253
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	301.968.198.468	146.271.704.249
31	Thu nhập khác	983.737.725	52.834.180.277
32	Chi phí khác	5.912.570.169	3.848.672.465
40	Lợi nhuận khác (40=31-32)	(4.928.832.444)	48.985.507.812
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	297.039.366.024	195.257.212.061
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	42.953.373.515	30.952.108.431
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	254.085.992.509	164.305.103.630

11729-C
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
T.P. HỒ CHÍ MINH

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thiện Chí

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		297.039.366.024	195.257.212.061
02	Điều chỉnh cho các khoản: Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư		135.139.307.226	103.301.426.187
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		141.282.066	
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(196.633.363.133)	(217.120.632.992)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu		48.120.403.028	69.254.891.663
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		283.806.995.211	150.692.896.919
09	Tăng các khoản phải thu		(1.263.694.165.898)	(1.205.273.902.556)
10	Tăng hàng tồn kho		(73.337.560.058)	(35.595.874.494)
11	Tăng các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]		783.167.823.730	2.537.842.962.474
12	Tăng chi phí trả trước		(24.553.396.542)	(14.350.810.471)
14	Tiền lãi vay đã trả		(48.459.047.947)	(83.641.497.256)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(31.206.850.848)	(26.783.505.958)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(374.276.202.352)	1.322.890.268.658
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(54.546.958.853)	(334.173.081.653)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		1.298.860.000	100.138.965.090
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(600.733.164.536)	(750.659.489.285)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.231.519.227.101	1.011.518.926.656
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(400.665.000.000)	(780.168.360.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		301.374.580.000	77.400.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		177.619.359.530	136.958.736.427
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		655.866.903.242	(538.984.302.765)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền thu từ đi vay		1.061.339.835.023	806.565.968.967
34	Tiền trả nợ gốc vay		(845.282.361.067)	(503.959.949.103)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(31.627.508.486)	(23.487.572.978)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(378.586.543.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		184.429.965.470	(99.468.096.614)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)		466.020.666.360	684.437.869.279
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	V.01	1.513.406.306.325	828.968.437.046
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		456.516	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	V.01	1.979.427.429.201	1.513.406.306.325

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thiện Chí

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 32 ngày 13 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);



I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210);
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành 8020);
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành 8110);
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành 8129);
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành 8219);
- Bán buôn tổng hợp (Mã ngành 4690);
- Lập trình máy vi tính (Mã ngành 6201);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành 5221);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Mã ngành 5225);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Mã ngành 7320);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành 7810);
- Cung ứng lao động tạm thời (Mã ngành 7820);
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành 7990);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành 8230);
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành 9000);
- Dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành 1812);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành 2013);



I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2399);
- Sửa chữa thiết bị khác (Mã ngành 3319);
- Thu gom rác thải độc hại (Mã ngành 3812);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Mã ngành 4652);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành 4661);
- Hoạt động tư vấn quản lý (Mã ngành 7020);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành 4773);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Mã ngành 2392);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4520);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 7490);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Mã ngành 4512);
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành 1622);
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (Mã ngành 1920);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4530);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Mã ngành 4620);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Mã ngành 7830);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành 4752);
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Mã ngành 3311);
- Thu gom rác thải không độc hại (Mã ngành 3811);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Mã ngành 3900);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (Mã ngành 4542);
- Cho thuê xe có động cơ (Mã ngành 7710);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành 7730);
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (Mã ngành 8211);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8299);
- In ấn (Mã ngành 1811);
- Hoạt động viễn thông khác (Mã ngành 6190);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành 6209);
- Bốc xếp hàng hóa (Mã ngành 5224);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Mã ngành 2395);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành 2592);
- Sản xuất điện (Mã ngành 3511);
- Xây dựng công trình khai khoáng (Mã ngành 4292);
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo (Mã ngành 4293);
- Quảng cáo (Mã ngành 7310);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Mã ngành 6202);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành 6311);
- Cổng thông tin (Mã ngành 6312);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (Mã ngành 2511).

Mẫu số B 09 - DN

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1.266 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 1.940 nhân viên)

6 Cấu trúc Công ty

Công ty con:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	17,39%	21,29%	17,44%	21,34%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	1,35%	1,23%	1,35%	1,23%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	16,04%	20,06%	16,09%	20,11%
2	Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	99,78%	99,73%	99,78%	99,73%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	99,78%	99,73%	99,78%	99,73%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	78,19%	94,51%	91,05%	96,17%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	0,00%	94,06%	0,00%	94,06%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	78,19%	0,45%	91,05%	2,11%
5	Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
6	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	17,29%	21,15%	99,37%	99,32%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	17,29%	21,15%	99,37%	99,32%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	12,77%	15,35%	73,41%	72,09%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	12,77%	15,35%	73,41%	72,09%
8	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	11,31%	14,98%	65,03%	70,36%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	11,31%	14,98%	65,03%	70,36%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	77,79%	93,57%	99,49%	99,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	77,79%	93,57%	99,49%	99,00%
10	Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	77,85%	93,99%	99,57%	99,45%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	77,85%	93,99%	99,57%	99,45%
11	Công ty TNHH Xây Dựng Kinh Bắc Thăng Long	77,89%	94,12%	100,00%	100,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	77,89%	94,12%	100,00%	100,00%
12	Công ty cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	48,69%	72,37%	85,00%	85,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	30,00%	55,00%	30,00%	55,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	18,69%	17,37%	55,00%	30,00%

Mẫu số B 09 - DN

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Công ty liên doanh, liên kết:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	8,23%	10,05%	50,00%	50,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	8,23%	10,05%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	5,50%	6,73%	31,60%	31,60%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	5,50%	6,73%	31,60%	31,60%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	6,61%	38,00%	38,00%	38,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	0,00%	38,00%	0,00%	38,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	6,61%	0,00%	38,00%	0,00%
4	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	49,86%	49,97%	49,97%	49,97%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	0,00%	49,97%	0,00%	49,97%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	49,86%	0,00%	49,97%	0,00%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 1 – Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Phú Yên	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên, Việt Nam
2	Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Lạng Sơn	Thôn Đồn Vang, Xã Minh Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
3	Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Cao Bằng	Số 62, Tổ 7, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam
4	Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Hà Nội	Số 278 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Xí nghiệp Cơ giới - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
6	Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Quảng Ngãi	Xóm 7 Thôn Thanh Sơn, Xã Phổ Cường, Thị Xã Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND hoặc đồng).

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)****b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng được phân loại là dài hạn.

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi trên 3 tháng), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- + Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- + Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng tổn thất đầu tư: nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4 Nguyên tắc các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	02 – 20 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16.

8 Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi với những điều khoản yêu cầu nhà phát hành mua lại trong tương lai các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện (tiếp theo)**

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

15 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

- *Quỹ đầu tư phát triển* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

18 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**19 Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

20 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

21 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

23 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Mẫu số B 09 - DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.310.366.263	1.711.665.912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	614.156.350.230	510.691.651.652
Các khoản tương đương tiền	1.363.960.712.708	1.001.002.988.761
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>1.363.960.712.708</i>	<i>1.001.002.988.761</i>
Cộng	1.979.427.429.201	1.513.406.306.325

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	329.620.918.629	329.620.918.629	488.655.245.726	488.655.245.726
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	329.620.918.629	329.620.918.629	488.655.245.726	488.655.245.726
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Trái phiếu (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	331.620.918.629	331.620.918.629	500.655.245.726	500.655.245.726

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 2,3%/năm đến 5%/năm.

(**) Thông tin trái phiếu:

Tên tổ chức phát hành	Số lượng	Mệnh giá	Tổng trị giá	Lãi suất trả sau	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	20.000	100.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1%/năm	18/11/2021	18/11/2031
Cộng			2.000.000.000			

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T (1) (9)	1.124.375.420.000	-	1.189.480.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam (1) (2)	-	-	602.000.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát (1)	98.451.219.512	-	98.451.219.512	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (3)	65.298.902.779	68.537.893.450	50.251.352.779	61.628.430.400
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (1) (4)	15.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả (1)	6.650.000.000	-	6.650.000.000	-
Cộng	1.309.775.542.291	68.537.893.450	1.948.832.572.291	61.628.430.400

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (1) (5)	-	-	391.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả (1) (6)	-	-	187.100.000.000	-
Cộng	-	-	578.500.000.000	-

d) Đầu tư vào công ty khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (1) (7)	166.225.460.000	-	154.283.460.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Công nghiệp TLH (1) (10)	6.895.000.000	-	5.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng (1) (8)	7.500.000.000	-	-	-
Cộng	180.620.460.000	-	159.783.460.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (1) Các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên BCTC theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- (2) Theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 06 năm 2024 HĐQT thông qua chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả. Ngày 28 tháng 06 năm 2024, Công ty hoàn tất việc chuyển nhượng 11.400.000 cổ phần tương ứng 17,81% tỷ lệ sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam theo hợp đồng số 2806/2024/CNCP-ICV.

Theo Nghị quyết số 52/2024/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2024, HĐQT thông qua chủ trương tăng khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam. Ngày 05 tháng 12 năm 2024 Công ty đã hoàn tất thực hiện quyền mua 14.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam.

Theo Nghị quyết số 61/2024/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2024 HĐQT thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ cổ phần (62.800.000 cổ phần) thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam cho Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T.

- (3) Theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2023 HĐQT đã thông qua chủ trương tăng khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (HHV) và nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của người nội bộ. Ngày 02 tháng 02 năm 2024 Công ty đã hoàn tất việc thực hiện quyền mua 1.495.125 cổ phiếu HHV, qua đó Công ty nắm giữ 17,39% tỷ lệ sở hữu HHV (thông qua nắm giữ trực tiếp và gián tiếp).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(4) Theo Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2023 HĐQT đã thông qua việc đầu tư góp vốn thành lập Doanh nghiệp dự án, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn 1). Ngày 12 tháng 03 năm 2024 Công ty đã hoàn tất việc góp vốn với tỷ lệ 55% vào Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, qua đó Công ty nắm giữ 85% tỷ lệ sở hữu (55% tỷ lệ trực tiếp, 30% tỷ lệ gián tiếp) Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh.

Theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 06 năm 2024 HĐQT đã thông qua chủ trương chuyển nhượng cổ phần, quyền lợi ích và nghĩa vụ gắn liền với hợp đồng BOT Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn 1). Ngày 25 tháng 12 năm 2024 Công ty đã chuyển nhượng 1.250.000 cổ phần Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả theo hợp đồng số 25/12/2024/HĐNCPC/DCG-HHV, qua đó Công ty nắm giữ 48,69% tỷ lệ sở hữu (30% tỷ lệ trực tiếp, 18,69% tỷ lệ gián tiếp) Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh.

(5) Theo Nghị quyết số 63/2024/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2024 HĐQT thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ cổ phần (39.140.000 cổ phần) thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả.

(6) Theo Nghị quyết số 62/2024/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2024 HĐQT thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ cổ phần (12.300.000 cổ phần) thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả cho Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T.

(7) Theo Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2023 HĐQT thông qua chủ trương tăng khoản vốn góp tại Công ty cổ phần BOT Trung Lương – Mỹ Thuận thêm 1.194.200 cổ phần, thời gian thực hiện đến hết ngày 29/01/2024. Số cổ phần Công ty nắm giữ sau khi kết thúc giao dịch là 16.622.546 cổ phần.

(8) Theo Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2024 HĐQT đã thông qua việc đầu tư góp vốn thành lập Doanh nghiệp dự án, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị- Chi Lăng theo hình thức BOT. Đến ngày 10 tháng 07 năm 2024 Công ty đã thực hiện góp vốn với tỷ lệ 15% vào Công ty Cổ phần Hữu Nghị - Chi Lăng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(9) Theo Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 06 năm 2024 HĐQT đã thông qua việc hoàn tất thanh toán giá trị còn thiếu đối với số cổ phần mà Công ty đã đăng ký mua nhưng chưa thanh toán tại Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T. Ngày 29 tháng 07 năm 2024 Công ty đã hoàn tất việc thanh toán với tỷ lệ sở hữu sau khi kết thúc giao dịch là 99,78%.

Theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 07 năm 2024 và Nghị quyết số 10/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T về việc giảm vốn điều lệ. Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T đã hoàn trả một phần vốn góp cho các cổ đông tương ứng 291.374.580 cổ phần đã hoàn trả cho Công ty.

(10) Theo Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 03 năm 2024 HĐQT đã thông qua chủ trương tăng khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Công nghiệp TLH thêm 1.627.834 cổ phần, thời gian thực hiện trước ngày 10/12/2024. Số cổ phần Công ty nắm giữ sau khi kết thúc giao dịch là 2.177.384 cổ phần.



Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	929.705.015.549	557.030.032.651
Ban Quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải	476.180.093.048	239.446.690.538
Ban QLDA Giao thông tỉnh Bình Định	19.133.150.000	75.735.096.000
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	17.102.738.700	25.826.698.440
BQL Dự án Thăng Long - Bộ Giao thông Vận tải	13.522.245.703	13.522.245.703
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Indec	10.871.987.822	68.616.486.948
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Quảng Ninh	10.049.246.000	10.049.246.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Long	9.611.587.063	7.445.562.257
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng thành phố Tuy Hòa	1.961.050.287	4.554.694.347
Đối tượng khác	371.272.916.926	111.833.312.418
Bên liên quan	1.066.941.351.847	990.518.848.817
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	388.275.855.522	363.047.500.883
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	130.809.733.500	124.197.033.248
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	120.545.671.295	276.858.330.537
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	94.686.395.904	65.733.167.459
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	93.895.846.804	12.533.392.864
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	84.795.135.014	95.553.352.356
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	51.205.994.413	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	49.113.236.879	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	40.289.225.052	33.366.221.159
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	8.411.031.656	9.501.711.868
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	2.334.313.400	2.316.052.275
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	1.574.205.433	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	612.199.740	61.738.665
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	106.900.000	106.900.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	102.727.367	89.103.787
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	95.349.930	95.349.930
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	62.099.058	62.099.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	14.974.392	23.852.909
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	10.456.488	2.624.700
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	-	5.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	-	1.491.552.907
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	-	478.864.212
Cộng	1.996.646.367.396	1.547.548.881.468

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	1.203.861.586.435	892.690.887.399
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	215.271.212.606	78.891.453.709
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bất động sản Thành Phát	97.898.218.850	36.333.221.419
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	63.422.945.979	93.145.385.451
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đông Phương	53.287.396.269	28.760.607.722
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại An Bảo	45.477.088.604	58.540.760.468
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Ban Mai	43.056.970.327	41.975.293.894
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình Tây An	21.971.681.245	32.129.218.689
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	19.424.138.290	41.080.628.370
Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát Lợi (Tên cũ là Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nguyên)	6.718.526.370	32.085.028.360
Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Phát	-	8.273.562.144
Đối tượng khác	637.333.407.895	441.475.727.173
Bên liên quan	281.941.742.531	110.681.312.069
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	142.618.740.635	34.605.068.101
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	81.897.102.988	40.853.743.708
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	22.226.246.208	1.332.946.437
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	1.183.979.474	191.378.167
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	528.281.738	210.784.168
Cộng	1.485.803.328.966	1.003.372.199.468

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	36.881.621.000	55.668.548.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đại Phong	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh	9.343.600.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả - Huy Hoàng	-	9.526.000.000
Đối tượng khác	2.538.021.000	4.142.548.000
Bên liên quan	308.558.495.554	445.125.665.923
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	253.782.155.384	401.332.155.384
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	19.600.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	17.976.340.170	16.373.510.539
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	2.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	-	320.000.000
Cộng	345.440.116.554	500.794.213.923

Đây là các khoản cho vay ngắn hạn có lãi suất từ 5% đến 12%/năm, thời gian thu hồi từ 6 tháng đến 12 tháng

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	-	2.500.000.000
CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z tại TP.HCM (1)	-	2.500.000.000
Bên liên quan	3.422.323.813	303.385.485.018
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (2)	3.422.323.813	303.385.485.018
Cộng	3.422.323.813	305.885.485.018

(1) Đây là khoản phải thu về cho vay trong vòng 24 tháng hưởng lãi suất 10,1%/năm.

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1210/2021/HĐHT/BOT CLVH - DCG ngày 12/10/2021 hưởng lãi suất 10,33%/năm.

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	295.799.639.254	190.075.000.602
Ký cược, ký quỹ	7.879.134.011	6.921.014.435
<i>Bên khác</i>	7.879.134.011	6.921.014.435
Phải thu khác	2.028.270.873.754	514.645.337.854
<i>Bên khác</i>	<i>469.341.557.325</i>	<i>412.562.442.908</i>
Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận	144.904.000.000	80.200.000.000
Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án Hữu Nghị - Chi Lãng (1)	103.149.402.740	84.800.000.000
Ban Chuẩn bị Đầu tư các dự án (2)	50.026.143.559	50.026.143.559
Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án Đồng Đăng - Trà Lĩnh (3)	31.400.087.828	27.180.881.338
Đối tượng khác	139.861.923.198	170.355.418.011
<i>Bên liên quan</i>	<i>1.558.929.316.429</i>	<i>102.082.894.946</i>
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	818.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	508.237.850.715	78.945.263
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	112.958.169.268	80.888.026.667
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	69.032.500.000	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	30.053.924.117	11.942.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	9.879.015.064	7.353.710.683
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	4.844.437.568	541.759.963
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lãng	3.549.556.005	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	767.478.623	-
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	647.832.879	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	308.552.190	981.300.374
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	-	247.912.329
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	-	49.239.667
Cộng	2.331.949.647.019	711.641.352.891

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

- (1) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký tháng 01/2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình 568.

Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Lizen.

- (2) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú (Tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (Tỉnh Lâm Đồng) theo hình thức đối tác công tư ngày 19/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Miền Trung Group.

Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư các Dự án tại Bến Tre ký ngày 10/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Miền Trung Group.

- (3) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Tỉnh Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (Tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1) ký ngày 05/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình 568.



Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký cược, ký quỹ	15.100.847.199	19.333.588.642
<i>Bên khác</i>	14.797.277.289	19.030.018.732
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Hồ Chí Minh	4.275.249.500	3.624.240.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	3.049.495.000	3.049.495.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	2.073.519.153	2.073.519.153
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	1.062.172.177	3.038.140.836
Công ty Cổ phần Gateway Hà Nội	-	2.866.435.409
Đối tượng khác	4.336.841.459	4.378.188.334
<i>Bên liên quan</i>	303.569.910	303.569.910
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	303.569.910	303.569.910
Cộng	15.100.847.199	19.333.588.642

7 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	76.426.163.217	-	80.696.421.106	-
Công cụ, dụng cụ	408.547.906	-	622.522.940	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	534.158.831.905	-	463.276.317.870	-
Hàng hóa	5.762.622.912	-	-	-
Thành phẩm	1.176.656.034	-	-	-
Cộng	617.932.821.974	-	544.595.261.916	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.730.965.845	4.711.401.452
Các khoản khác	12.096.898.969	5.351.765.905
Cộng	14.827.864.814	10.063.167.357

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.275.390.544	9.797.812.483
Các khoản khác	45.021.820.821	23.710.699.797
Cộng	53.297.211.365	33.508.512.280

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Bảo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
9 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	610.702.692.039	126.198.208.200	4.699.151.704	12.349.832.588	753.949.884.531
2. Số tăng trong năm	45.719.871.908	2.818.816.364	2.285.460.455	3.327.481.255	54.151.629.982
Mua trong năm	45.719.871.908	2.818.816.364	2.285.460.455	3.327.481.255	54.151.629.982
3. Số giảm trong năm	2.369.179.150	-	881.344.000	659.000.000	3.909.523.150
Thanh lý trong năm	1.719.659.150	-	881.344.000	659.000.000	3.260.003.150
Điều chỉnh giảm khác	649.520.000	-	-	-	649.520.000
4. Số dư cuối năm	654.053.384.797	129.017.024.564	6.103.268.159	15.018.313.843	804.191.991.363
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	95.857.193.238	52.775.045.674	2.162.279.390	9.141.134.359	159.935.652.661
2. Khấu hao trong năm	87.441.945.899	18.956.859.200	1.176.123.468	1.943.311.900	109.518.240.467
Khấu hao trong năm	87.441.945.899	18.956.859.200	1.176.123.468	1.943.311.900	109.518.240.467
3. Số giảm trong năm	722.858.360	-	192.966.195	313.437.941	1.229.262.496
Thanh lý trong năm	548.673.963	-	192.966.195	313.437.941	1.055.078.099
Điều chỉnh giảm khác	174.184.397	-	-	-	174.184.397
4. Số dư cuối năm	182.576.280.777	71.731.904.874	3.145.436.663	10.771.008.318	268.224.630.632
III. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	514.845.498.801	73.423.162.526	2.536.872.314	3.208.698.229	594.014.231.870
Tại ngày cuối năm	471.477.104.020	57.285.119.690	2.957.831.496	4.247.305.525	535.967.360.731

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 328.749.957.006 VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 51.256.817.956 VND.

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	127.339.268.629	-	127.339.268.629
2. Số tăng trong năm	4.000.000.000	7.898.720.639	11.898.720.639
Thuê trong năm	4.000.000.000	7.898.720.639	11.898.720.639
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	131.339.268.629	7.898.720.639	139.237.989.268
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	19.653.360.679		19.653.360.679
2. Khấu hao trong năm	20.030.609.643	647.124.891	20.677.734.534
Tăng trong năm	20.030.609.643	647.124.891	20.677.734.534
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	39.683.970.322	647.124.891	40.331.095.213
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	107.685.907.950	-	107.685.907.950
Tại ngày cuối năm	91.655.298.307	7.251.595.748	98.906.894.055

Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 6.272.321.661 VND

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: sau khi kết thúc hợp đồng thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	210.000.000	3.971.700.000	4.181.700.000
2. Số tăng trong năm	50.000.000	1.779.200.000	1.829.200.000
Mua trong năm	50.000.000	1.779.200.000	1.829.200.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	260.000.000	5.750.900.000	6.010.900.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	25.524.190	1.654.572.984	1.680.097.174
2. Khấu hao trong năm	124.892.458	806.039.607	930.932.065
Khấu hao trong năm	124.892.458	806.039.607	930.932.065
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	150.416.648	2.460.612.591	2.611.029.239
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	184.475.810	2.317.127.016	2.501.602.826
Tại ngày cuối năm	109.583.352	3.290.287.409	3.399.870.761

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 0 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 1.626.200.000 VND.

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	97.272.727.273	99.490.866.741	196.763.594.014
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	97.272.727.273	99.490.866.741	196.763.594.014
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	-	27.843.698.902	27.843.698.902
2. Khấu hao trong năm	-	4.012.400.160	4.012.400.160
Tăng trong năm	-	4.012.400.160	4.012.400.160
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	31.856.099.062	31.856.099.062
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	97.272.727.273	71.647.167.839	168.919.895.112
Tại ngày cuối năm	97.272.727.273	67.634.767.679	164.907.494.952

Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 164.907.494.952 VND.

Nguyên giá BĐSĐT cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND.

13 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí chuẩn bị dự án đầu tư	27.334.558.807	25.737.949.297
Mua sắm TSCĐ	1.660.595.129	26.350.000
Cộng	28.995.153.936	25.764.299.297

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	687.026.814.062	687.026.814.062	503.358.219.717	503.358.219.717
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	38.423.478.790	38.423.478.790	63.517.062.964	63.517.062.964
Công ty TNHH SP4AN	35.324.469.686	35.324.469.686	31.926.486.655	31.926.486.655
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Long	32.799.389.231	32.799.389.231	27.611.308.037	27.611.308.037
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	30.796.809.662	30.796.809.662	15.023.520.887	15.023.520.887
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	19.037.792.109	19.037.792.109	43.067.445.079	43.067.445.079
Wonder Synergy	17.242.097.382	17.242.097.382	17.242.097.382	17.242.097.382
Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Huy Thiên Phú	2.796.901.200	2.796.901.200	4.945.438.317	4.945.438.317
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Công nghệ Nam Anh	2.204.447.295	2.204.447.295	15.147.198.200	15.147.198.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Và Thương mại Quốc Tế	1.767.139.100	1.767.139.100	28.412.312.100	28.412.312.100
Công ty Cổ phần Thiết bị và Dịch vụ TCE	740.708.851	740.708.851	23.807.979.000	23.807.979.000
Đối tượng khác	505.893.580.756	505.893.580.756	232.657.371.096	232.657.371.096
Bên liên quan	527.978.748.296	527.978.748.296	364.027.386.248	364.027.386.248
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	228.426.499.619	228.426.499.619	171.828.670.336	171.828.670.336
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	142.614.972.639	142.614.972.639	80.049.779.945	80.049.779.945
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	109.215.163.719	109.215.163.719	59.938.212.941	59.938.212.941
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	38.435.938.257	38.435.938.257	37.342.824.187	37.342.824.187
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	4.193.118.062	4.193.118.062	6.002.242.839	6.002.242.839
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	3.925.336.000	3.925.336.000	5.948.256.000	5.948.256.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	784.600.000	784.600.000	255.200.000	255.200.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	263.120.000	263.120.000	263.120.000	263.120.000
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	120.000.000	120.000.000	2.399.080.000	2.399.080.000
Cộng	1.215.005.562.358	1.215.005.562.358	867.385.605.965	867.385.605.965



Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	225.730.915.610	225.730.915.610	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	24.382.875.912	24.382.875.912	-	-
Đối tượng khác	201.348.039.698	201.348.039.698	-	-
Bên liên quan	163.828.841.856	163.828.841.856	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	66.920.422.918	66.920.422.918	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	57.960.916.657	57.960.916.657	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	38.624.582.281	38.624.582.281	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	322.920.000	322.920.000	-	-
Cộng	389.559.757.466	389.559.757.466	-	-



Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	489.991.222	369.991.222
Bên liên quan	7.117.075.004	3.313.044.492
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	4.728.265.810	2.788.989.592
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	1.232.752.878	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	543.049.416	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn – Hữu Nghị	524.054.900	524.054.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	88.952.000	-
Cộng	7.607.066.226	3.683.035.714

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	3.559.761.042.871	3.329.450.720.069
Ban Quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải	1.909.527.940.773	2.187.454.176.776
Ban Quản lý Dự án 6 - Bộ Giao thông Vận tải	453.832.485.955	163.827.000.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Tuyên Quang	167.692.316.000	-
Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh - Bộ Giao Thông Vận Tải	99.976.026.870	204.553.026.870
Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP	96.716.380.134	197.337.948.317
Ban Quản lý Dự án 7 - Bộ Giao thông Vận tải	89.118.835.101	293.308.027.022
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông	82.937.489.781	114.608.168.756
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Indec	66.302.968.512	70.049.355.328
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Tỉnh Phú Yên	42.024.094.000	42.024.094.000
Ban Quản lý Dự án Giao thông Tỉnh Bình Định	26.474.923.000	56.288.923.000
Đối tượng khác	525.157.582.745	-
Bên liên quan	108.304.627.496	111.601.008.090
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	77.221.598.068	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	31.083.029.428	1.083.029.428
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	-	84.005.735.488
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	23.676.291.150
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	2.292.902.608
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	-	543.049.416
Cộng	3.668.065.670.367	3.441.051.728.159

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 – DN**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC****a) Thuế và các khoản phải nộp**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.758.983.520	42.953.373.515	31.206.850.848	41.505.506.187
Thuế thu nhập cá nhân	9.621.546.527	9.109.335.488	15.480.797.262	3.250.084.753
Thuế tài nguyên	1.797.675.939	23.817.679.589	24.548.512.258	1.066.843.270
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	956.232.454	32.027.501.473	32.875.907.006	107.826.921
Cộng	42.134.438.440	107.907.890.065	104.112.067.374	45.930.261.131

b) Thuế và các khoản phải thu

	Số đầu năm VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT đầu ra	38.872.560.281	111.389.254.299	72.376.797.323	77.885.017.257
Cộng	38.872.560.281	111.389.254.299	72.376.797.323	77.885.017.257

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nộp thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả cho các dự án	81.808.993.237	37.129.864.840
Chi phí lãi vay	1.671.147.585	8.411.434.491
Chi phí khác	1.690.941.884	1.228.636
Cộng	85.171.082.706	45.542.527.967

18 PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	2.507.797.462	2.337.371.362
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.078.000.000	578.000.000
<i>Bên khác</i>	<i>928.000.000</i>	<i>428.000.000</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	242.826.828.019	254.103.388.608
<i>Bên khác</i>	<i>214.040.492.540</i>	<i>128.339.875.107</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group (1)(2)	49.967.800.000	49.967.800.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh (1)(2)	40.941.000.000	40.941.000.000
Đối tượng khác	123.131.692.540	37.431.075.107
<i>Bên liên quan</i>	<i>28.786.335.479</i>	<i>125.763.513.501</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	-	105.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	23.485.639.777	17.484.458.897
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	4.360.960.549	1.838.163.287
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	719.987.208	719.987.208
Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch B.O.T	-	501.156.164
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	219.747.945	219.747.945
Cộng	246.412.625.481	257.018.759.970

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(1) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú (Tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (Tỉnh Lâm Đồng) theo hình thức đối tác công tư ngày 19/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG), Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Miền Trung Group.

(2) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư các Dự án tại Bến Tre ký ngày 10/10/2020 giữa DCG, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Miền Trung Group.

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận ký quỹ, ký cược	30.446.000.000	30.446.000.000
<i>Bên khác</i>	<i>30.446.000.000</i>	<i>30.446.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng H.P.T</i>	<i>30.446.000.000</i>	<i>30.446.000.000</i>
Hợp tác kinh doanh	45.128.141.103	-
<i>Bên khác</i>	<i>45.128.141.103</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long (1)</i>	<i>33.035.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Đồng Thuận Hà (2)</i>	<i>10.988.141.103</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP Đầu tư ĐCT 559 (3)</i>	<i>1.105.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	75.574.141.103	30.446.000.000

(1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10-XL/2021/HĐXL/DCG - HL ngày 11/10/2021 giữa Công ty với Công ty CP TM và XD Hoàng Long

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 - 10/2021/HĐHT/DCG - DTH ngày 06/10/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Đồng Thuận Hà

(3) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác số 01/2024/HĐHTKD/BOT DCG - 559 ngày 04/10/2024 giữa Công ty với Công ty CP Đầu tư ĐCT 559

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước	1.379.172.849	2.224.080.258
Cộng	1.379.172.849	2.224.080.258

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước	-	1.379.172.849
Cộng	-	1.379.172.849



Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH
a) Ngắn hạn

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tăng	Giảm	Giá trị	VND
Bên khác						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	864.294.997.391	99.353.171.482	1.043.375.562.302	1.078.391.851.131	799.958.114.738	
Ngân hàng Đầu tư Và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	468.780.509.739	52.016.489.159	559.353.322.973	458.319.343.826	315.730.041.433	
Ngân hàng Đầu tư Và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	364.504.971.873	15.886.500.000	406.871.249.218	304.861.354.409	246.608.577.064	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Thành phố HCM	15.824.037.420	16.264.703.964	-	13.878.261.228	13.437.594.684	
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TPHCM	-	-	9.500.000.000	19.000.000.000	9.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	-	-	66.378.262.832	66.378.262.832	-	
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	7.270.581.539	7.270.581.539	-	7.900.532.016	7.900.532.016	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	7.775.696.820	7.775.696.820	-	7.775.696.820	7.775.696.820	
Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Toyota Việt Nam	139.200.000	139.200.000	-	278.400.000	278.400.000	
Trái phiếu (1)	-	-	1.272.727.279	200.000.000.000	198.727.272.721	
Trái phiếu phát hành	-	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	-	1.272.727.279	-	(1.272.727.279)	
Bên liên quan	25.800.000.000	-	-	600.000.000	26.400.000.000	
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	25.800.000.000	-	-	600.000.000	26.400.000.000	
Cộng	890.094.997.391	99.353.171.482	1.043.375.562.302	1.078.991.851.131	826.358.114.738	



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****a) Ngắn hạn (tiếp theo)****Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:**

Bên cho vay	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH Tiên Phong - CN Thăng Long	4.600.000.000.000	12 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Ký quỹ và các biện pháp đảm bảo khác
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	2.500.000.000.000	11 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Thế chấp quyền tài sản, quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ Vốn và bằng các tài sản khác
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	26.400.000.000	11 tháng	9,7%/năm	Tín chấp

(1) Chi tiết trái phiếu được trình bày sau đây:

Trái phiếu thường	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
	200.000.000.000	11,5%/năm	-	-

Đây là khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 200 tỷ Đồng, ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 10 năm 2024. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 3 năm của trái phiếu được xác định là 11,5%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả do Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T sở hữu tương ứng 150% giá trị phát hành trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 – DN**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND	Tăng	Giảm	Vay dài hạn đến hạn trả	Giá trị
Bên khác	144.499.775.424	VND	36.133.790.000	47.817.760.435	99.353.171.482	255.536.917.341
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	66.800.845.631		3.876.600.000	-	52.016.489.159	114.940.734.790
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Thành phố HCM	32.403.544.493		13.020.190.000	1.794.618.422	16.264.703.964	37.442.676.879
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	-		-	33.035.000.000	-	33.035.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	35.684.000.000		19.237.000.000	-	15.886.500.000	32.333.500.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	7.127.722.096		-	-	7.775.696.820	14.903.418.916
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	-		-	12.988.141.103	-	12.988.141.103
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	2.483.663.204		-	910	7.270.581.539	9.754.245.653
Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Toyota Việt Nam	-		-	-	139.200.000	139.200.000
Cộng	144.499.775.424		36.133.790.000	47.817.760.435	99.353.171.482	255.536.917.341



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**Mẫu số B 09 – DN****V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn (tiếp theo)****Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:**

Bên cho vay	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH TMCP Tiên Phong	266.777.271.430	30 - 60 tháng	10% - 11,85%/năm	Tài sản hình thành từ khoản vay
Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	76.954.491.000	60 tháng	6,9% - 7,3%/năm	Ký cược
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	31.102.787.291	48 tháng	8,93%/năm	Ký cược
Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	20.329.960.000	24 - 36 tháng	6,7% - 7,2%/năm	Ký cược
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	1.392.000.000	60 tháng	11,75% năm	Tài sản hình thành từ khoản vay
NH TMCP BIDV – Chi nhánh Nam Hà Nội	61.142.000.000	60 tháng	7,4% - 8,4%/năm	Tài sản hình thành từ khoản vay



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 – DN**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****21 VỐN CHỦ SỞ HỮU****21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm trước	4.206.517.150.000	11.820.503.474	4.210.358.842	529.137.426.179	4.751.685.438.495
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	164.305.103.630	164.305.103.630
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	885.761.581	-	(885.761.581)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(885.761.581)	(885.761.581)
Chia cổ tức	-	-	-	(378.586.543.500)	(378.586.543.500)
Số cuối năm trước	4.206.517.150.000	12.706.265.055	4.210.358.842	313.084.463.147	4.536.518.237.044
Số đầu năm nay	4.206.517.150.000	12.706.265.055	4.210.358.842	313.084.463.147	4.536.518.237.044
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	254.085.992.509	254.085.992.509
Trích quỹ đầu tư phát triển (1)	-	1.643.051.036	-	(1.643.051.036)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	(1.643.051.036)	(1.643.051.036)
Số cuối năm nay	4.206.517.150.000	14.349.316.091	4.210.358.842	563.884.353.584	4.788.961.178.517

(1) Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 1.643.051.036 VND và quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.643.051.036 VND.

(*) Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án chào bán 210.325.857 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với thời gian dự kiến thực hiện năm 2024 - 2025.

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Hồ Minh Hoàng	1.458.241.920.000	34,67%	1.458.241.920.000	34,67%
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	725.843.530.000	17,26%	725.843.530.000	17,26%
Võ Thụy Linh	257.472.570.000	6,12%	257.472.570.000	6,12%
Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital (Tên cũ Công ty TNHH Đèo Cả Capital)	217.686.300.000	5,17%	217.686.300.000	5,17%
Khương Văn Cường	217.500.000.000	5,17%	217.500.000.000	5,17%
Đối tượng khác	1.329.772.830.000	31,61%	1.329.772.830.000	31,61%
Cộng	4.206.517.150.000	100,00%	4.206.517.150.000	100,00%

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	378.586.543.500

21.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	420.651.715	-	420.651.715	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Mẫu số B 09 – DN

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản ngoại tệ		
Dollar Mỹ (USD)	294,80	200,80

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.323.354.747.550	4.105.518.362.780
Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.025.523.188.287	3.968.012.110.351
Doanh thu cung cấp dịch vụ	213.433.009.463	90.724.823.294
Doanh thu bán hàng hóa	65.960.159.492	28.289.197.352
Doanh thu bất động sản đầu tư	18.438.390.308	18.492.231.783
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	6.323.354.747.550	4.105.518.362.780

Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	1.018.797.171.733	2.090.146.137.477
Doanh thu hợp đồng xây dựng	840.977.652.022	2.002.101.664.193
Doanh thu cung cấp dịch vụ	124.780.390.526	67.592.116.300
Doanh thu bán hàng hóa	53.039.129.185	14.762.710.179
Doanh thu bất động sản đầu tư	-	5.689.646.805

2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn xây dựng	5.716.056.758.699	3.809.725.643.079
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	169.234.674.606	82.147.275.411
Giá vốn của hàng hóa đã bán	62.202.969.256	20.482.133.406
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	8.127.484.403	7.717.146.670
Cộng	5.955.621.886.964	3.920.072.198.566



Mẫu số B 09 – DN

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	87.286.797.752	186.425.237.608
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105.300.419.539	50.675.850.000
Lãi từ thoái vốn công ty con	3.550.000.000	-
Khác	411.653.481	228.950.314
Cộng	196.548.870.772	237.330.037.922

4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	46.847.675.749	67.727.618.939
Lỗ từ thoái vốn công ty con	-	31.148.780.488
Chi phí phát hành trái phiếu	1.272.727.279	1.527.272.724
Khác	743.090.854	188.081.483
Cộng	48.863.493.882	100.591.753.634

5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.209.030.268	3.613.031.129
Chi phí nhân viên	79.069.623.726	65.052.582.142
Chi phí khấu hao	6.995.170.063	9.930.801.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.069.715.407	86.156.180.232
Các khoản chi phí QLDN khác	27.106.499.544	11.160.149.480
Cộng	213.450.039.008	175.912.744.253

6 THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý TSCĐ	496.145.842	11.168.325.872
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý CCDC	165.298.030	24.676.429.015
Các khoản khác	322.293.853	16.989.425.390
Cộng	983.737.725	52.834.180.277

Mẫu số B 09 – DN

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

7 CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại CCDC nhượng bán, thanh lý	82.520.006	3.734.716.828
Các khoản khác	5.830.050.163	113.955.637
Cộng	5.912.570.169	3.848.672.465

8 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.873.769.503.790	3.060.576.815.177
Chi phí nhân công	745.091.318.050	490.253.658.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.139.307.226	103.301.426.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	358.837.691.174	347.767.450.321
Chi phí khác bằng tiền khác	128.374.275.801	96.469.107.972
Cộng	6.241.212.096.041	4.098.368.458.116

9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	42.953.373.515	30.952.108.431
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	42.953.373.515	30.952.108.431

Mẫu số B 09 – DN

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong tương lai: Không có

2 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3 Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.061.339.835.023	806.565.968.967

4 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	876.909.869.553	527.447.522.081

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đến 1 năm	33.909.366.000	14.486.012.052
Từ 1 đến 5 năm	33.158.043.710	65.282.698.970
Trên 5 năm	-	1.866.794.794
Cộng	67.067.409.710	81.635.505.816

Mẫu số B 09 – DN

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (tiếp theo)

b) Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đến 1 năm	19.450.279.208	34.093.233.780
Từ 1 đến 5 năm	22.500.000	
Cộng	19.472.779.208	34.093.233.780

c) Cam kết vốn

Theo thỏa thuận tại hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT- UBND giữa UBND Tỉnh Cao Bằng (Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền) với Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án).

Theo thỏa thuận tại hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 12/HĐ.BOT- LANGSON giữa UBND Tỉnh Lạng Sơn (Cơ quan có thẩm quyền) với Liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 - Công ty Cổ phần Lizen (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng (Doanh nghiệp dự án).

Công ty cam kết có góp vốn vào doanh nghiệp dự án trong tương lai theo thỏa thuận tại hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đến 1 năm	141.122.948.518	259.613.000.000
Từ 1 đến 5 năm	327.331.103.280	532.658.500.000
Cộng	468.454.051.798	792.271.500.000

2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: Không phát sinh

3 Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1

Mẫu số B 09 – DN

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận
a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

	Năm trước				Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	28.289.197.352	90.724.823.294	3.968.012.110.351	18.492.231.783	4.105.518.362.780
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.289.197.352	90.724.823.294	3.968.012.110.351	18.492.231.783	4.105.518.362.780
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.807.063.946	8.577.547.883	158.286.467.272	10.775.085.113	185.446.164.214
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(175.912.744.253)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					9.533.419.961
Doanh thu hoạt động tài chính					237.330.037.922
Chi phí tài chính					(100.591.753.634)
Thu nhập khác					52.834.180.277
Chi phí khác					(3.848.672.465)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(30.952.108.431)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					164.305.103.630
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					(334.173.081.653)
Tổng chi phí khấu hao					(103.301.426.187)



Mẫu số B 09 – DN

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)
4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Năm nay			Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	65.960.159.492	213.433.009.463	6.025.523.188.287	18.438.390.308
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.960.159.492	213.433.009.463	6.025.523.188.287	18.438.390.308
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.757.190.236	44.198.334.857	309.466.429.588	10.310.905.905
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(213.450.039.008)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				154.282.821.578
Doanh thu hoạt động tài chính				196.548.870.772
Chi phí tài chính				(48.863.493.882)
Thu nhập khác				983.737.725
Chi phí khác				(5.912.570.169)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(42.953.373.515)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				254.085.992.509
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác				(54.546.958.853)
Tổng chi phí khấu hao				(135.139.307.226)

Mẫu số B 09 – DN

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh

	Số đầu năm				Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	46.190.444.038	148.134.986.690	6.478.948.096.111	168.919.895.112	6.842.193.421.950
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	3.505.795.731.232
Tổng tài sản	46.190.444.038	148.134.986.690	6.478.948.096.111	168.919.895.112	10.347.989.153.182
Nợ phải trả bộ phận	40.044.114.561	128.423.410.969	5.616.827.142.523	26.176.248.085	5.811.470.916.138
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	40.044.114.561	128.423.410.969	5.616.827.142.523	26.176.248.085	5.811.470.916.138



Mẫu số B 09 – DN

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Số cuối năm				Tổng cộng VND
	Bán hàng VND	Dịch vụ VND	Xây dựng VND	Bất động sản đầu tư VND	
Tài sản bộ phận	100.330.224.177	324.647.209.028	9.165.261.226.159	164.907.494.952	9.755.146.154.316
Tài sản không phân bộ	-	-	-	-	1.841.258.442.658
Tổng tài sản	100.330.224.177	324.647.209.028	9.165.261.226.159	164.907.494.952	11.596.404.596.974
Nợ phải trả bộ phận	71.009.783.816	229.772.516.893	6.486.811.164.083	19.849.953.665	6.807.443.418.457
Nợ phải trả không phân bộ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	71.009.783.816	229.772.516.893	6.486.811.164.083	19.849.953.665	6.807.443.418.457



Mẫu số B 09 – DN

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)

b) Báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý

	Năm trước			Tổng cộng VND
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	315.099.543.096	3.520.942.670.568	269.476.149.116	4.105.518.362.780
Tài sản bộ phận	794.210.710.075	8.874.561.832.271	679.216.610.836	10.347.989.153.182
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(334.173.081.653)

	Năm nay			Tổng cộng VND
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	564.777.772.128	4.856.948.233.507	901.628.741.915	6.323.354.747.550
Tài sản bộ phận	1.035.746.342.637	8.907.160.687.786	1.653.497.566.550	11.596.404.596.974
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(54.546.958.853)

Mẫu số B 09 – DN

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.979.427.429.201	-	1.513.406.306.325	-	1.979.427.429.201	1.513.406.306.325
Phải thu khách hàng	1.996.646.367.396	-	1.547.548.881.468	-	1.996.646.367.396	1.547.548.881.468
Trả trước cho người bán	1.485.803.328.966	-	1.003.372.199.468	-	1.485.803.328.966	1.003.372.199.468
Các khoản phải thu khác	2.347.050.494.218	-	730.974.941.533	-	2.347.050.494.218	730.974.941.533
Đầu tư tài chính ngắn hạn	329.620.918.629	-	488.655.245.726	-	329.620.918.629	488.655.245.726
Cho vay	348.862.440.367	-	806.679.698.941	-	348.862.440.367	806.679.698.941
Đầu tư tài chính dài hạn	1.492.396.002.291	-	2.699.116.032.291	-	1.492.396.002.291	2.699.116.032.291
Cộng	9.979.806.981.068	-	8.789.753.305.752	-	9.979.806.981.068	8.789.753.305.752



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**Mẫu số B 09 – DN****VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****5 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**
b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán	1.604.565.319.824	-	867.385.605.965	-	1.604.565.319.824	867.385.605.965
Người mua trả tiền trước	3.675.672.736.593	-	3.444.734.763.873	-	3.675.672.736.593	3.444.734.763.873
Vay và nợ	1.034.594.772.815	-	1.081.895.032.079	-	1.034.594.772.815	1.081.895.032.079
Phải trả người lao động	34.414.493.338	-	38.647.606.489	-	34.414.493.338	38.647.606.489
Cộng	6.349.247.322.570	-	5.432.663.008.406	-	6.349.247.322.570	5.432.663.008.406

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh toán. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh toán thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Mẫu số B 09 – DN

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày cuối năm	Dưới 1 năm VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Phải trả cho người bán	1.215.005.562.358	389.559.757.466	-	1.604.565.319.824
Người mua trả tiền trước	7.607.066.226	3.668.065.670.367	-	3.675.672.736.593
Vay và nợ	890.094.997.391	144.499.775.424	-	1.034.594.772.815
Chi phí phải trả	85.171.082.706	-	-	85.171.082.706
Các khoản phải trả phải nộp khác	326.757.379.950	75.574.141.103	-	402.331.521.053
Cộng	2.524.636.088.631	4.277.699.344.360	-	6.802.335.432.991

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Mẫu số B 09 – DN

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

7 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2023 kết thúc vào ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Thiện Chí

An Văn Thiện



Khương Văn Cương

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

I DANH SÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh.
Hồ Minh Hoàng	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT
Võ Thụy Linh	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT
Khương Văn Cương	Cổ đông lớn, Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Huy.
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh.
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Trịnh Công Hải.
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Ánh.
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của Ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phùng Tiến Thành, ông Võ Thụy Linh, ông Tôn Quang Hùng.
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phùng Tiến Thành.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty con, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Tôn Quang Hùng.

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

I DANH SÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	Công ty con của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Quang Huy.
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng.
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quang Huy.
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty con của Công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phạm Ngọc Quý.
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cương, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phạm Ngọc Quý.
Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital (Tên cũ Công ty TNHH Đèo Cả Capital)	Cổ đồng, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Phạm Ngọc Quý.
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Quang Huy.
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cương.
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	Công ty liên quan của ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phạm Ngọc Quý.
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và công nghiệp TLH	Công ty liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm nay (*) VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		2.642.016.129	2.407.333.333
1. Hội đồng quản trị		2.342.016.129	2.107.333.333
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Võ Thụy Linh	Phó Chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Phan Văn Thắng	Phó Chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Phùng Tiến Thành	Phó Chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Lê Quỳnh Mai	Phó Chủ tịch (từ ngày 20/06/2023)	240.000.000	127.333.333
Nguyễn Minh Giang	Thành viên (từ ngày 26/06/2024 đến ngày 03/07/2024) Phó Chủ tịch (từ ngày 04/07/2024)	122.016.129	-
Nguyễn Văn Hải	Thành viên (đến ngày 20/06/2023)	-	84.500.000
Ngô Văn Quý	Thành viên độc lập (từ ngày 20/06/2023)	180.000.000	95.500.000
2. Ban Kiểm soát		300.000.000	300.000.000
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Chí Trung	Thành viên (đến ngày 30/11/2023)	-	54.833.333
Phạm Văn Hùng	Thành viên (đến ngày 26/06/2024)	29.166.667	60.000.000
Hồ Thị Hương	Thành viên (từ ngày 30/11/2023)	60.000.000	5.166.667
Phạm Ngọc Quý	Thành viên (từ ngày 26/06/2024)	30.833.333	-

(*) Theo nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2024 ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2024 theo Tờ trình số 02/2024/Tr-HĐQT ngày 27/05/2024. Ngày 20/03/2025 Công ty đã hoàn tất chi trả các khoản thù lao này.

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo)

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):

		Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc		6.473.625.726	5.609.689.890
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	473.141.960	473.800.000
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc (đến ngày 06/12/2024)	290.272.728	343.500.000
Khuông Văn Cương	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)	1.060.600.000	579.478.261
Hồ Đình Chung	Tổng giám đốc (đến ngày 30/05/2023)	-	283.659.091
Nguyễn Văn Hải	Tổng giám đốc (đến ngày 20/02/2023)	-	103.100.000
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	774.029.285	776.100.000
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	770.100.000	776.232.494
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	696.667.467	698.100.000
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	692.100.000	633.034.783
Dương Châu Sâm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/04/2023)	648.714.286	386.115.261
Dương Hoài Thanh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 02/05/2024)	373.500.000	-
An Văn Thiện	Kế toán trưởng (từ ngày 01/03/2023)	694.500.000	454.170.000
Lê Việt Anh	Kế toán trưởng (đến ngày 01/03/2023)	-	102.400.000
Tiền lương Ban kiểm soát		1.146.223.809	1.117.968.397
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	604.200.000	612.700.000
Hồ Thị Hường	Thành viên (từ ngày 30/11/2023)	286.390.476	40.500.000
Phạm Ngọc Quý	Thành viên (từ ngày 26/06/2024)	255.633.333	-
Nguyễn Chí Trung	Thành viên (đến ngày 30/11/2023)	-	332.119.047
Phạm Văn Hùng	Thành viên (đến ngày 26/06/2024)	-	132.649.350
Cộng		10.261.865.664	9.134.991.620

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo)

- Các giao dịch khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hồ Minh Hoàng	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT	Trả cổ tức	-	141.241.772.800
Võ Thụy Linh	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT	Trả cổ tức	-	23.172.531.300
Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch	Trả cổ tức	-	177.959.700
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	Trả cổ tức	-	22.493.700
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	Trả cổ tức	-	76.588.200
Ngô Văn Quý	Thành viên độc lập	Trả cổ tức	-	424.000.000
Khương Văn Cương	Cổ đông lớn, Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	19.575.000.000
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	33.995.700



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo)

- Các giao dịch khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc (đến ngày 30/05/2023)	Trả cổ tức	-	35.991.000
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	337.880.700
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	371.587.500
Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc (từ ngày 14/10/2024)	Trả cổ tức	-	114.359.000
Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Trả cổ tức	-	20.314.755.000
Nguyễn Chí Trung	Thành viên ban kiểm soát (đến ngày 30/11/2023)	Trả cổ tức	-	27.983.700
Lê Việt Anh	Kế toán trưởng (đến ngày 01/03/2023)	Trả cổ tức	-	69.480.000



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2 Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh.	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Trả cổ tức Lãi cho vay	527.777.778 - - -	833.939.395 131.412.000 65.325.917.700 247.912.329
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Mua hàng hóa, dịch vụ Thu gốc cho vay Cho vay Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay Đầu tư góp vốn	377.223.446.332 - - 76.266.602.374 - 15.047.550.000	513.047.835.487 55.036.895.603 14.950.000.000 77.931.724.929 635.545.500 -
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Huy.	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Doanh thu thanh lý CCDC Doanh thu thanh lý TSCĐ Đầu tư góp vốn Thoái vốn khoản đầu tư Mua tài sản cố định	700.676.858.326 84.188.933.685 75.568.309 324.224.975 140.000.000.000 742.000.000.000 560.250.000	388.806.741.232 36.604.099.517 - 87.590.502.537 578.500.000.000 - -

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	16.348.317.750 1.209.393.039	18.319.622.217 2.863.298.148
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	112.400.876	30.881.279
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của Ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phùng Tiến Thành, ông Võ Thụy Linh, ông Tôn Quang Hùng.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	912.421.306	1.059.892.416
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phùng Tiến Thành.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	16.129.620.260	4.690.818.953



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Trịnh Công Hải.	Thu gốc cho vay Cho vay Lãi cho vay Chuyển tiền góp vốn Nhận lại tiền góp vốn Lãi từ thoái vốn	- - - 226.270.000.000 291.374.580.000 3.550.000.000	117.400.000.000 111.600.000.000 509.983.562 - - -
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh.	Nhận cổ tức Hoàn trả lại tiền góp vốn	12.636.000.000 -	- 77.400.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quang Huy.	Đầu tư góp vốn Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Nhận cổ tức Thoái vốn khoản đầu tư	- 727.718.912 101.053.641 54.120.000.000 187.100.000.000	187.100.000.000 114.687.798 - - -
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Quang Huy.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	416.374.267	7.888.976.674

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hải	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Đầu tư góp vốn Lãi cho vay Cho vay Thu gốc cho vay Thoái vốn khoản đầu tư	494.026.258.108 - 9.066.174.119 - 309.029.335.324 391.400.000.000	1.767.033.472.745 125.910.000.000 37.235.951.193 2.954.243.559 111.098.824.242 -
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.	Thu gốc cho vay Lãi cho vay Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	147.550.000.000 32.070.142.601 76.436.888	186.595.009.000 48.519.988.486 106.834.641
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Đầu tư góp vốn Lãi cho vay Nhận cổ tức	47.502.876.985 11.942.000.000 1.602.829.631 38.544.419.539	102.963.906.386 154.283.460.000 11.516.544.971 -
		Thu gốc cho vay	-	109.173.245.811



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	Công ty liên quan của ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phạm Ngọc Quý.	Đầu tư góp vốn Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	7.500.000.000 63.696.899.795	- -
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Quang Huy.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Cho vay Lãi cho vay Thu gốc cho vay	62.881.872.722 229.607.579.081 183.500.000.000 875.163.013 183.500.000.000	88.131.889.612 11.359.402.886 - - -
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay Thu gốc cho vay	2.525.304.381 7.500.000.000	2.906.302.463 -

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Mua tài sản cố định	509.686.181 325.794.158.531 3.515.907.360	48.590.723 97.555.732.736 -
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	3.107.273.972 2.870.400.000 70.055.963	14.633.467.944 2.709.400.000 2.065.428
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh (đến ngày 18/03/2023)	Cho vay Thu gốc cho vay Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay	45.000.000.000 42.800.000.000 - - -	14.550.000.000 179.550.000.000 1.111.500.000 501.946.591 271.359.589
Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital (Tên cũ Công ty TNHH Đèo Cả Capital)	Cổ đồng, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Phạm Ngọc Quý.	Trả cổ tức	-	19.591.767.000

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Nhận gốc vay Trả nợ gốc vay Lãi đi vay	- - 600.000.000 2.522.797.262	41.639.637 26.400.000.000 - -
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay Mua hàng hóa, dịch vụ Thu gốc cho vay Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	19.480.546 2.610.000.000 320.000.000 9.304.244	32.621.586 1.856.000.000 - -
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và công nghiệp TLH	Công ty liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.	Đầu tư góp vốn	1.395.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty con, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Tôn Quang Hùng.	Đầu tư góp vốn	25.500.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	Công ty con của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Thoái vốn khoản đầu tư	168.629.031.339 12.500.000.000	- -
		Cho vay Lãi cho vay Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Thu gốc cho vay	20.000.000.000 647.832.879 1.431.284.789 5.000.000.000	- - - -



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	388.275.855.522	363.047.500.883
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của Ông Ngọ Trường Nam, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phùng Tiến Thành, ông Võ Thụy Linh, ông Tôn Quang Hùng.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	120.545.671.295	276.858.330.537
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phùng Tiến Thành.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	130.809.733.500	124.197.033.248
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cương, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	84.795.135.014	95.553.352.356
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Quang Huy.	Cung cấp dịch vụ khác	94.686.395.904	65.733.167.459
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	40.289.225.052	33.366.221.159



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Huy.	Cung cấp dịch vụ khác	93.895.846.804	12.533.392.864
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	8.411.031.656	9.501.711.868
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ khác	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Quang Huy.	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.334.313.400	2.316.052.275
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đồng lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh.	Cung cấp dịch vụ khác	-	1.491.552.907
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quang Huy.	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.727.367	89.103.787



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)			VND	VND
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ khác	-	478.864.212
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường.	Cung cấp dịch vụ khác	612.199.740	61.738.665
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh.	Cung cấp dịch vụ khác	10.456.488	2.624.700
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh.	Cung cấp dịch vụ khác	106.900.000	106.900.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ khác	95.349.930	95.349.930

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Cung cấp dịch vụ khác	62.099.058	62.099.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ khác	14.974.392	23.852.909
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	Công ty liên quan của ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phạm Ngọc Quý.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	51.205.994.413	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty con, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Tôn Quang Hùng.	Cung cấp dịch vụ xây dựng	49.113.236.879	-
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	Công ty con của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Cung cấp dịch vụ khác	1.574.205.433	-
Cộng			1.066.941.351.847	990.518.848.817

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
b) Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Huy.	Dịch vụ xây lắp	142.618.740.635	34.605.068.101
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Dịch vụ xây lắp	81.897.102.988	40.853.743.708
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang.	Dịch vụ xây lắp	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Minh Giang.	Dịch vụ bảo vệ	528.281.738	210.784.168
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Quang Huy.	Dịch vụ xây lắp	22.226.246.208	1.332.946.437
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cương.	Dịch vụ xây lắp	1.183.979.474	191.378.167
Cộng			281.941.742.531	110.681.312.069



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
c) Phải thu về cho vay ngắn hạn			VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.	Cho vay ngắn hạn	253.782.155.384	401.332.155.384
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.	Cho vay ngắn hạn	2.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Cho vay ngắn hạn	19.600.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý.	Cho vay ngắn hạn	17.976.340.170	16.373.510.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.	Cho vay ngắn hạn	-	320.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	Công ty con của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Cho vay ngắn hạn	15.000.000.000	-

Cộng

308.558.495.554

445.125.665.923



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
d) Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.	Cho vay dài hạn	3.422.323.813	303.385.485.018
Cộng			3.422.323.813	303.385.485.018
e) Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay	112.958.169.268	80.888.026.667
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cương, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý.	Lợi nhuận được chia Đầu tư góp vốn	30.053.924.117	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay	9.879.015.064	7.353.710.683
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Quang Huy.	Khác	4.844.437.568	541.759.963

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
e) Các khoản phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay	767.478.623	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Huy.	Lãi cho vay	308.552.190	981.300.374
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đồng lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh.	Lãi cho vay	-	247.912.329
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Lãi cho vay	-	78.945.263
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.	Phải thu từ thoái vốn đầu tư khác	507.900.000.000	-
		Lãi cho vay	337.850.715	49.239.667

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
e) Các khoản phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty con, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Tôn Quang Hùng.	Đầu tư góp vốn	65.932.500.000	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	Công ty liên quan của ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phạm Ngọc Quý.	Khác Đầu tư góp vốn	3.100.000.000 2.253.448.202	- -
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Trịnh Công Hải.	Khác Phải thu từ thoái vốn đầu tư Lãi từ thoái vốn đầu tư	1.296.107.803 815.100.000.000 3.550.000.000	- - -
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	Công ty con của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Minh Giang.	Lãi cho vay	647.832.879	-
Cộng			1.558.929.316.429	102.082.894.946



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
f) Các khoản phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.	Ký quỹ, ký cược	303.569.910	303.569.910
Cộng			303.569.910	303.569.910
g) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Huy.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	142.614.972.639	80.049.779.945
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	228.426.499.619	171.828.670.336
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Quang Huy.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	109.215.163.719	59.938.212.941
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	38.435.938.257	37.342.824.187



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
g) Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	4.193.118.062	6.002.242.839
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quang Huy.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	3.925.336.000	5.948.256.000
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	120.000.000	2.399.080.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	784.600.000	255.200.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Minh Giang.	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	263.120.000	263.120.000

Cộng**527.978.748.296****364.027.386.248**

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
h) Người mua ứng tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của Ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phùng Tiến Thành, ông Võ Thụy Linh, ông Tôn Quang Hùng.	Dịch vụ xây lắp	4.728.265.810	2.788.989.592
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng.	Dịch vụ xây lắp	524.054.900	524.054.900
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý.	Dịch vụ xây lắp	1.232.752.878	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phùng Tiến Thành.	Dịch vụ xây lắp	543.049.416	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Dịch vụ xây lắp	88.952.000	-

Cộng

7.117.075.004

3.313.044.492



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
i)	Người mua ứng tiền trước dài hạn			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông.	Dịch vụ xây lắp	-	84.005.735.488
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cương, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý.	Dịch vụ xây lắp	-	23.676.291.150
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của Ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phùng Tiến Thành, ông Võ Thụy Linh, ông Tôn Quang Hùng.	Dịch vụ xây lắp	-	2.292.902.608
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Dịch vụ xây lắp	31.083.029.428	1.083.029.428
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty con, người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy, ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Tôn Quang Hùng.	Dịch vụ xây lắp	77.221.598.068	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phùng Tiến Thành.	Dịch vụ xây lắp	-	543.049.416
Cộng			108.304.627.496	111.601.008.090

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
j) Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Quang Huy.	Khác	-	105.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Khác	23.485.639.777	17.484.458.897
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Nhận ký cược, ký quỹ Lãi vay	100.000.000 4.360.960.549	100.000.000 1.838.163.287
Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch B.O.T	Công ty con của Công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý.	Lãi vay	719.987.208	719.987.208
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Trịnh Công Hải.	Khác	-	501.156.164
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Huy. Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Quang Huy.	Khác Nhận ký cược, ký quỹ	219.747.945 50.000.000	219.747.945 50.000.000

Cộng**28.936.335.479****125.913.513.501**

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
k) Phải trả người bán dài hạn			VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quang Huy.	Dịch vụ xây lắp	322.920.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Võ Thụy Linh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Quang Huy.	Dịch vụ xây lắp	57.960.916.657	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Quang Huy.	Dịch vụ xây lắp	66.920.422.918	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Huy.	Dịch vụ xây lắp	38.624.582.281	-
Cộng			163.828.841.856	-
l) Vay ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Quang Huy.	Vay ngắn hạn phải trả	25.800.000.000	26.400.000.000
Cộng			25.800.000.000	26.400.000.000

